

Số: 87/2016/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 15 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác tổ chức quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XV - KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 11/2012/TT-BXD ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài Chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Xét Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 100/BC-BDT ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ công tác tổ chức quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Khoá XV - Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ **ngày 01 tháng 01 năm 2017**.

Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc quy định quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 33/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh Lào Cai quy định về thu tiền sử dụng nước sinh hoạt và mức hỗ trợ sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 14/12/2012 của HĐND tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ công tác tổ chức quản lý, khai thác bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực. *Hy*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Văn phòng: TU, UBND, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh, Công báo Lào Cai;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *UB*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ công tác tổ chức quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 87/2016/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các công trình kết cấu hạ tầng được hưởng chính sách theo Nghị quyết này là các công trình do cấp xã quản lý hoặc phối hợp với chủ thể khác quản lý, gồm:

1. Công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu.
2. Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn
3. Công trình kè chống sạt lở bờ sông, suối không gắn với đường giao thông.
4. Công trình giao thông nông thôn gồm: Các tuyến đường trục của xã, đường trục thôn bản, đường trục chính ra cánh đồng và các công trình cầu, ngầm trên tuyến đường do UBND xã quản lý.
5. Công trình nhà trụ sở cơ quan gồm: Trường học (*trừ các trường PTTH, trường ngoài công lập, trường dạy nghề*); Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND cấp xã; Hội trường kiêm Nhà văn hoá trung tâm cấp xã; Nhà hoạt động cộng đồng xã (*nếu có*); Nhà công vụ; Trạm y tế xã.
6. Công trình chợ hạng 3 khu vực nông thôn.
7. Hệ thống truyền thanh gồm trạm truyền thanh cấp xã và cụm loa truyền thanh thôn bản, tổ dân phố.
8. Công trình nghĩa trang.
9. Công trình hạ tầng khác của thôn bản, tổ dân phố (*nhà văn hoá thôn bản, tổ dân phố, nghĩa trang thôn và các công trình phúc lợi công cộng khác...*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý.
2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ công tác quản lý, khai thác, bảo vệ công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Mỗi công trình phân cấp cho cấp xã tổ chức quản lý phải được giao cho 01 tổ chức, cá nhân cụ thể chịu trách nhiệm vận hành, duy tu bảo dưỡng, bảo vệ và sửa chữa thường xuyên.

2. Nhà nước chỉ hỗ trợ công tác vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên cho các công trình đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước hoặc nguồn tài trợ phục vụ công cộng theo các chương trình, dự án sau đầu tư kể từ thời gian đã hết thời hạn bảo hành công trình.

3. Mức hỗ trợ được phân thành mức hỗ trợ khoán gọn và mức hỗ trợ có điều tiết chung.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác.

2. Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế của ngân sách tỉnh, huyện, xã.

3. Nguồn thu đóng góp của đối tượng được hưởng lợi theo quy định của pháp luật cho từng loại hình công trình.

4. Nguồn kinh phí xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu: Hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương cấp bù miễn, giảm tiền dịch vụ thủy lợi và các nguồn ngân sách khác.

- Mức hỗ trợ cho hoạt động của Ban thủy lợi xã:

TT	Diện tích quản lý tưới tiêu thuộc diện cấp bù thủy lợi phí	Chi thù lao cán bộ Ban (đồng/Ban/năm)	Chi hoạt động chung của Ban (đồng/Ban/năm)	Tổng cộng (đồng/Ban/năm)
1	Dưới 50 ha	5.760.000	1.600.000	7.360.000
2	Từ 50 ha đến 150 ha	6.336.000	1.760.000	8.096.000
3	Từ 150 ha đến 250 ha	6.912.000	1.920.000	8.832.000
4	Từ 250 ha đến 350 ha	7.488.000	2.080.000	9.568.000
5	Từ 350 ha đến 450 ha	8.064.000	2.240.000	10.304.000
6	Trên 450 ha	9.216.000	2.400.000	11.616.000

- Mức hỗ trợ bảo dưỡng công trình thủy lợi:

TT	Loại hình công trình	ĐVT	Mức hỗ trợ kinh phí	
			Kênh tưới 2 vụ	Kênh tưới 1 vụ
1	Kênh xây bề rộng đáy > 50 cm	đồng/km/năm	5.600.000	4.480.000
2	Kênh xây bề rộng đáy ≤ 50 cm	đồng/km/năm	4.800.000	3.840.000
3	Kênh đất bề rộng đáy từ 30 cm trở lên	đồng/km/năm	6.400.000	5.120.000
4	Quản lý trạm bơm tưới cố định	đồng/ha đất lúa/vụ	800.000	
5	Quản lý đập hồ chứa	đồng/ha đất lúa /năm	96.000	
6	Quản lý đập dâng tự chảy kiên cố	đồng/ha đất lúa/năm	64.000	
7	Quản lý đập dâng tự chảy tạm	đồng/ha đất lúa/năm	128.000	

- Mức hỗ trợ theo km chiều dài các cấp kênh tính bình quân gồm cả chiều dài dẫn nước của các công trình trên kênh và đường ống dẫn nước đầu nối với kênh có cùng lưu lượng.

- Mức chi khoán gọn cho công tác tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý thủy nông và công tác kiểm tra giám sát thực hiện chính sách miễn, giảm giá dịch vụ thủy lợi, không quá 5% tổng kinh phí được cấp bù, trong đó cấp tỉnh 1%, cấp huyện 4%.

- Kinh phí cấp bù còn lại sau khi giao dự toán các khoản chi khoán gọn cho công tác tổ chức quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng, bảo trì công trình do tỉnh quản lý lồng ghép với các nguồn vốn hợp pháp khác để sửa chữa, nâng cấp kiên cố hóa kênh mương của các công trình thủy lợi có mức vốn đầu tư dưới 03 tỷ đồng.

2. Công trình cấp nước tập trung:

- Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh cho sửa chữa thường xuyên công trình cấp nước sinh hoạt tập trung của cấp xã ngoài khoản thu tiền sử dụng nước là 10.000 đồng/người/năm tính theo số người được cấp nước thực tế.

- Ngoài mức hỗ trợ trên, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung còn được hỗ trợ 01 lần trang bị 01 bộ dụng cụ sửa chữa đường ống. Chủ đầu tư công trình có trách nhiệm trang bị lấy từ kinh phí xây dựng công trình (*công trình đã xây dựng nhưng chưa được trang bị thì UBND cấp xã tự trang bị*).

3. Công trình giao thông nông thôn: Mức hỗ trợ công tác bảo dưỡng thường xuyên đường giao thông nông thôn từ nguồn quỹ bảo trì đường bộ và ngân sách tỉnh như sau:

- Đường trục xã, liên thôn, trục thôn có:

- + Chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$, mặt bê tông xi măng hoặc láng nhựa hoặc rải cấp phối có chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$: 2,5 triệu đồng/km/năm.

- + Chiều rộng nền đường từ $\geq 3,5\text{ m}$ mặt đường đất: 1,5 triệu đồng/km/năm.

- Đường trục chính nội đồng, đường vào nghĩa trang, đường vào bãi rác có mặt đường bê tông xi măng hoặc láng nhựa hoặc rải cấp phối, bề rộng mặt $\geq 3,0\text{m}$: 01 triệu đồng/km/năm.

- Cầu, ngầm tràn đã được kiên cố hóa trên các tuyến đường trục xã, đường từ xã tới các thôn, đường liên thôn, đường trục thôn, đường trục chính nội đồng: 150.000 đồng/m/năm (tính theo mét dài).

- Các tuyến đường giao thông nông thôn và công trình cầu ngầm khác của xã, thôn bản do huyện, xã tự vận động kinh phí và đóng góp của người dân tham gia bảo dưỡng đảm bảo đi lại thuận tiện.

4. Công trình kè bảo vệ bờ sông suối: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh, cụ thể:

- Kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới, sông nội địa: 10 triệu đồng/km/năm.

- Kè bảo vệ bờ suối nội địa: 03 triệu đồng/km/năm.

5. Công trình nhà trụ sở cơ quan: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh cho công trình trụ sở làm việc; nhà văn hoá trung tâm cấp xã; nhà công vụ; trạm y tế xã; trường lớp học: 6.000 đồng/m² xây dựng cho nhà 01 tầng; 8.000 đồng/m² sàn nhà 2 tầng trở lên.

6. Công trình chợ hạng 3 khu vực nông thôn: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh là 04 triệu đồng/chợ/năm ngoài nguồn thu được để lại theo quy định.

7. Công trình Trạm truyền thanh cấp xã và cụm loa truyền thanh thôn bản, tổ dân phố:

- Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh để bảo dưỡng trạm truyền thanh cấp xã là 01 triệu đồng/trạm/năm;

- Mức hỗ trợ cho cụm loa truyền thanh thôn bản, tổ dân phố để chi tiền điện và hoạt động của người quản lý là 01 triệu đồng/cụm/năm.

8. Công trình nghĩa trang trung tâm cấp xã: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh là 03 triệu đồng/nghĩa trang/năm.

9. Công trình hạ tầng khác của thôn bản, tổ dân phố (*nhà văn hoá thôn bản, tổ dân phố, nghĩa trang thôn và các công trình phúc lợi công cộng khác...*): Là công trình phúc lợi của cộng đồng, khuyến khích xã, thôn bản tổ chức các dịch vụ tạo nguồn thu để bù đắp chi phí bảo dưỡng công trình, UBND cấp xã hỗ trợ chỉ đạo công tác lập kế hoạch và huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân để bảo dưỡng thường xuyên.

10. Các hỗ trợ khác:

- Hỗ trợ ngân sách tỉnh cho Đài truyền thanh truyền hình cấp huyện để sửa chữa thiết bị công trình trạm truyền thanh cấp xã là 03 triệu đồng/trạm/năm; sửa chữa cụm loa truyền thanh thôn bản, tổ dân phố là 01 triệu đồng/cụm loa/năm (*có điều tiết chung trong cấp huyện*).

- Các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác công trình kết cấu hạ tầng của xã được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý theo dự toán hàng năm.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh